

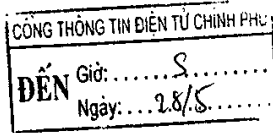
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 734 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2015



QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

- Tiếp tục phát huy lợi thế so sánh và nội lực sẵn có kết hợp với huy động các nguồn lực bên ngoài để duy trì nhịp độ phát triển nhanh, bền vững.

- Phát triển công nghiệp theo chiều sâu, thân thiện với môi trường, ưu tiên xúc tiến thu hút đầu tư các dự án công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ thuộc các ngành cơ khí chế tạo, điện, điện tử. Tập trung phát triển các khu chuyên ngành như Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học, Khu công nghiệp công nghệ cao Long Thành, Khu liên hợp công nông nghiệp Dofico, các phân khu công nghiệp hỗ trợ thuộc các khu công nghiệp đang hoạt động.

- Phát triển kinh tế đi kèm với tiến bộ xã hội và bảo vệ môi sinh, nâng mức sống của các tầng lớp nhân dân nhất là người lao động, bảo vệ và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên, môi trường, xây dựng đô thị và nông thôn khang trang, văn minh, hiện đại.

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh với quá trình phát triển chung của Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, phối hợp với các địa phương trong xây dựng kết cấu hạ tầng, bảo vệ môi trường, đào tạo nhân lực và nâng cao tiềm lực khoa học - công nghệ của tỉnh.

- Phát triển kinh tế gắn với quốc phòng- an ninh, dành nguồn lực cho xây dựng, củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân, giữ vững trật tự an toàn xã hội và ổn định chính trị trên địa bàn để phát triển kinh tế- xã hội.

2. Điều chỉnh mục tiêu phát triển

Mục tiêu tổng quát: Phát huy lợi thế, duy trì nhịp độ phát triển nhanh và bền vững, xây dựng Đồng Nai trở thành tỉnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại vào năm 2020. Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng kết hợp chiều rộng với chiều sâu, tạo nền tảng vững chắc để đi hẳn vào phát triển theo chiều sâu dựa vào phát triển nền kinh tế tri thức trong giai đoạn 2021- 2025.

Mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 8- 9%/năm, giai đoạn 2020-2025 là 8,5-9,5%/năm.

- Đến năm 2020: GRDP bình quân đầu người đạt 5.300 USD - 5.800 USD; cơ cấu GRDP ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 55 - 56%, dịch vụ chiếm 39,5 - 40,5%, nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 4,5 - 5,5%; kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 từ 8% - 10%/năm.

- Đến năm 2025: GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 9.000 - 10.000 USD; cơ cấu GRDP ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 53 - 54%, dịch vụ chiếm 44 - 45%, nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 4 - 5%.

Mục tiêu về xã hội:

- Đến năm 2020: Dân số trung bình 3,1 - 3,2 triệu người; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi còn dưới 10%, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi còn 23%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%, trong đó đào tạo nghề đạt 65%; giảm tỷ lệ lao động không có việc làm ở khu vực đô thị xuống dưới 2,5%; có 50% xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học theo chuẩn quốc gia; tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa đạt 98%; tuổi thọ trung bình của dân số là 78 tuổi; tỷ lệ hộ dân có sử dụng điện đạt trên 99%; có 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Đến năm 2025: Quy mô dân số khoảng 3,3 - 3,4 triệu người, tỷ lệ dân số thành thị chiếm 55 - 56%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 90%, trong đó đào tạo nghề đạt 80%; tỷ lệ các xã nông thôn mới đạt trên 85%.

Mục tiêu về môi trường:

- Đến năm 2020: Tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 52%, tỷ lệ che phủ của rừng 29,76%; tỷ lệ dân số thành thị được cấp nước sạch đạt 100%, tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó có 80% số hộ nông thôn sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia; thu gom và xử lý 100% chất thải y tế, rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, thu gom và xử lý 100% chất thải nguy hại; 100% các khu công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Đến năm 2025: Tỷ lệ dân số thành thị và nông thôn sử dụng nước sạch đạt chuẩn quốc gia là 100%; thu gom và xử lý 100% chất thải y tế, rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, chất thải nguy hại; 100% các khu công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

3. Điều chỉnh các khâu đột phá phát triển

- Tăng cường đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội, tập trung đầu tư các dự án giao thông kết nối các dự án phát triển cảng biển, cảng hàng không và các dự án đảm bảo an sinh xã hội nhằm từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

- Phát triển mạnh, đi thẳng vào hiện đại hóa các dịch vụ logistics, dịch vụ công nghệ thông tin - viễn thông, đặc biệt là khai thác các dịch vụ liên quan đến việc triển khai đầu tư và hoạt động của sân bay quốc tế Long Thành (nếu được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư) như dịch vụ y tế, đào tạo, dịch vụ vận chuyển, kho bãi, công nghệ thông tin, viễn thông.

- Tiếp tục ưu tiên huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển nguồn nhân lực, nhất là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hội nhập quốc tế. Đổi mới khâu tuyển dụng, đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn đội ngũ công chức gắn với công tác cải cách hành chính và xây dựng, hoàn thiện mô hình chính quyền điện tử đến năm 2020.

- Thực hiện đổi mới đầu tư khu công nghiệp theo mô hình phát triển xanh và đồng bộ: công nghiệp - đô thị - dịch vụ, trong đó thu hút các dự án đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, dự án thân thiện môi trường. Các dự án sử dụng nhiều lao động được mời gọi vào các khu công nghiệp ở vùng nông thôn có khả năng sử dụng lao động tại

chỗ nhằm giảm áp lực tăng dân số cơ học vào các vùng thành phố.

- Tập trung đầu tư hạ tầng Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học, khu công nông nghiệp để thu hút các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, từ đó tạo sự lan tỏa phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ra các khu vực trong tỉnh.

4. Điều chỉnh định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực

a) Phát triển công nghiệp, xây dựng:

- Phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, từng bước thực hiện mục tiêu xanh hóa sản xuất. Ưu tiên thu hút dự án công nghiệp phục vụ phát triển chiều sâu các ngành công nghiệp mũi nhọn như cơ khí chế tạo, điện- điện tử, chế biến thực phẩm sạch; dự án thân thiện môi trường; dự án công nghiệp có tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm cao, góp phần gia tăng chuỗi giá trị sản phẩm và thúc đẩy phát triển nhiều doanh nghiệp trong nước. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển các ngành, sản phẩm công nghiệp để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên, tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường.

Phát triển các khu công nghiệp theo mô hình phát triển xanh có hạ tầng đồng bộ và dịch vụ thuận tiện phục vụ doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và điều kiện sinh hoạt của người lao động, tạo tiền đề phát triển đô thị hóa. Với các khu công nghiệp mới thành lập, tập trung kêu gọi đầu tư theo hướng chuyên ngành để tạo ra chuỗi các dự án có khả năng liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Với các khu công nghiệp đang hoạt động, xúc tiến kêu gọi đầu tư chiều sâu để nâng giá trị gia tăng các sản phẩm, cải thiện điều kiện làm việc và bảo vệ môi trường.

Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành các cụm công nghiệp đã được quy hoạch. Xây dựng các cụm công nghiệp có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đảm bảo điều kiện về môi trường và hạ tầng kết nối trong, ngoài. Ưu tiên, tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của doanh nghiệp nhỏ và vừa vào cụm công nghiệp.

- Phát triển lĩnh vực xây dựng, tăng cường công tác quản lý và giám sát thực hiện các qui hoạch xây dựng, qui hoạch phát triển đô thị. Từng bước nâng cao trình độ thiết kế và chất lượng quy hoạch, hiện đại hóa kỹ thuật xây dựng đạt trình độ quốc tế đáp ứng yêu cầu phát triển ngành xây dựng trong tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án xây dựng đang thực hiện đồng thời tiếp tục huy động đầu tư các dự án xây dựng khu dịch vụ - đô thị mới, nâng cấp, xây dựng hạ tầng đô thị, khu dân cư nông thôn, khu công nghiệp, khu du lịch. Triển khai đầu tư xây dựng đi trước một bước tạo điều kiện về hạ tầng kỹ thuật cho

phát triển các ngành kinh tế, đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới.

b) Phát triển nông lâm thủy sản:

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học- công nghệ trong sản xuất nông, lâm, thủy sản, mở rộng áp dụng các quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn GAP (VietGAP, GlobalGAP,..) gắn với xây dựng thương hiệu các nông sản chủ lực, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và phát triển nông nghiệp xanh. Ưu tiên phát triển các vùng nông sản hàng hóa, các khu công nông nghiệp tập trung tạo thành chuỗi liên kết các khâu từ sản xuất đến chế biến, phân phối tiêu thụ sản phẩm. Đẩy nhanh đầu tư hạ tầng và thu hút dự án đầu tư vào Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học và Khu liên hợp công nông nghiệp. Gắn phát triển nông nghiệp với xây dựng các xã nông thôn mới nhằm thay đổi cơ bản diện mạo nông thôn đi đôi với từng bước nâng cao mức sống của các hộ nông dân.

- Trong trồng trọt, tập trung phát triển các vùng rau sạch, vùng cây ăn quả an toàn, xây dựng các mô hình trang trại ứng dụng kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp. Thực hiện hỗ trợ chuyển giao giống, qui trình kỹ thuật trồng và sơ chế, bảo quản sản phẩm, xác nhận nguồn gốc nông sản, thông tin thị trường, tìm kiếm đối tác chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu nông sản cho nông dân. Nâng giá trị thu được trên 1 ha đất trồng trọt (giá hiện hành) đến năm 2020 đạt trung bình trên 120 triệu đồng/ha, tăng gấp khoảng 1,5 lần so với năm 2015.

- Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung dưới các hình thức gia trại, trang trại, doanh nghiệp chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học và vệ sinh môi trường. Khuyến khích thu hút dự án đầu tư khu chăn nuôi công nghiệp nuôi heo, gia cầm, bò sữa, bò thịt chất lượng cao, sản xuất giống, dự án sản xuất thức ăn gia súc, dự án đầu tư nhà máy chế biến thịt các loại. Xây dựng các trung tâm giống, hỗ trợ nông dân cải tạo cơ cấu giống, cơ cấu đàn gia súc, gia cầm.

- Phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản công nghiệp và bán công nghiệp nhằm nâng cao năng suất và thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm. Chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân, sử dụng giống nuôi nguồn gốc rõ ràng, các giống thủy sản được chứng nhận, áp dụng các quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản theo qui phạm thực hành tốt (GAP) để tăng năng suất và nuôi trồng thủy sản an toàn.

- Tăng cường bảo vệ diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn cho hồ thủy điện Trị An, rừng phòng hộ ngập mặn. Tiếp tục tăng diện tích che phủ của rừng và cây xanh thông qua mở rộng diện tích cây lâm nghiệp phân tán, cây xanh bóng mát ở những khu vực như công sở, trường học, bệnh viện, khu

công nghiệp, trục đường giao thông, công viên, hồ nước và tại vùng nông thôn.

c) Phát triển các ngành dịch vụ:

Khuyến khích đầu tư phát triển mạnh và đa dạng hoá các loại hình và sản phẩm dịch vụ, chuyển dần nền kinh tế tăng trưởng chủ yếu dựa vào công nghiệp sử dụng nhiều lao động, năng lượng sang tăng trưởng dựa vào các ngành công nghiệp sản phẩm có hàm lượng công nghệ, lao động kỹ thuật cao và các ngành dịch vụ mũi nhọn có lợi thế như dịch vụ vận chuyển, kho bãi, logistics, ngân hàng, viễn thông- công nghệ thông tin, dịch vụ khoa học - công nghệ, đào tạo.

- Dịch vụ vận chuyển - kho bãi: Khai thác lợi thế vị trí cửa ngõ thông ra khu vực phía Bắc của Vùng Kinh tế trọng điểm Phía Nam đồng thời là trung tâm kết nối ba Vùng Đông Nam Bộ, Duyên Hải Miền Trung và Tây Nguyên. Đẩy mạnh huy động đầu tư nâng cấp, mở rộng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển các dịch vụ vận chuyển- kho bãi, cảng nội địa, logistics. Phát triển thành phố Biên Hòa là trung tâm đầu mối giao lưu thương mại, dịch vụ logistics xuất nhập khẩu hàng hóa từ trong nội địa ở khu vực Đông Nam Bộ phía Đông Bắc thành phố Hồ Chí Minh. Nhơn Trạch là trung tâm thương mại, dịch vụ hậu cần sau cảng của các cụm cảng biển nhóm V tại Đồng Nai, cụm cảng Cái Mép - Vũng Tàu và cụm cảng Sài Gòn ở khu vực Đông Nam Bộ phía Đông Nam thành phố Hồ Chí Minh. Biên Hòa, Trảng Bom là trung tâm tổng kho trung chuyển các luồng hàng qua các cảng thuộc Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh, đầu mối trung chuyển hàng hóa giữa khu vực tam giác Nam Trung Bộ - Đông Nam Bộ - Nam Tây Nguyên.

- Phát triển hệ thống dịch vụ tài chính, ngân hàng đi vào hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, đảm bảo an toàn hệ thống, thực hiện các dịch vụ tài chính, ngân hàng theo hệ thống trong nước và quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng và sử dụng các dịch vụ tài chính, ngân hàng có hiệu quả trong các hoạt động sản xuất và đời sống. Mở rộng phát triển các dịch vụ tài chính như kiểm toán, bảo hiểm, cho thuê tài chính, tư vấn tài chính.

- Khuyến khích thu hút đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, tập trung huy động đầu tư xây dựng hoàn chỉnh một số khu du lịch thăm quan, giải trí, khu sinh thái nghỉ dưỡng đủ sức hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế. Phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù của tỉnh, mang đậm nét thiên nhiên, văn hóa, lịch sử, con người và thắng cảnh của vùng đất Đồng Nai như thăm quan di tích lịch sử, văn hóa, lễ hội, ẩm thực, du lịch làng nghề, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng (vườn quốc gia Cát Tiên, Trung tâm sinh thái, văn hóa, lịch sử Chiến khu D). Đặc biệt là phát triển du lịch sông nước tại khu vực Nhơn

Trạch, tạo ra sự đa dạng trong kết nối tour du lịch trong nước.

- Phát triển thương mại kết hợp các loại hình thương mại truyền thống và thương mại hiện đại, phù hợp với từng địa bàn (đô thị, nông thôn, vùng sâu vùng xa) và nhu cầu tiêu dùng của các bộ phận dân cư. Tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng bình quân khoảng 16 - 17%/năm đến 2020. Đổi mới công tác tổ chức xúc tiến thương mại, áp dụng các hình thức xúc tiến thương mại hiện đại như marketing điện tử để quảng bá thương hiệu sản phẩm, xúc tiến thị trường. Duy trì các hoạt động xúc tiến thương mại tại các thị trường truyền thống như Campuchia, Lào, Thái Lan, Trung Quốc... đồng thời mở rộng xúc tiến thương mại khai thác các thị trường có nhu cầu lớn về các loại nông sản, hàng hóa phù hợp với đặc điểm, điều kiện sản xuất của tỉnh như Hoa Kỳ, Nhật, EU, Trung Cận Đông, Nga, Ấn Độ.

d) Phát triển khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, thông tin truyền thông

- Phát triển khoa học và công nghệ

Thực hiện đổi mới cơ bản, toàn diện và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý và cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ, gắn nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động khoa học công nghệ, khuyến khích thu hút các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh tham gia các hoạt động nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao và ứng dụng khoa học và công nghệ trong các ngành, lĩnh vực. Tăng cường các hoạt động thông tin, phổ biến khoa học - công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp địa phương, hộ nông dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm. Phấn đấu, thời kỳ đến 2020, số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có đổi mới qui trình công nghệ hàng năm đạt 18 - 20%.

- Phát triển giáo dục và đào tạo

Tiếp tục định hướng xã hội hóa phát triển lĩnh vực giáo dục và đào tạo, từng bước nâng tầm giáo dục và đào tạo ở tỉnh tiếp cận với trình độ quốc tế, tương xứng là tỉnh công nghiệp hóa vào năm 2020.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng nhà trẻ, trường mầm non nhất là ở các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa, các khu vực tập trung công nhân khu công nghiệp, tiến đến mỗi xã, phường có ít nhất 1 trường mầm non. Phấn đấu đến năm 2020, huy động trẻ trong độ tuổi đi nhà trẻ đạt 40%; trẻ mẫu giáo ra lớp đạt 99%; tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đạt 65%.

Triển khai thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông mới, sách giáo khoa mới. Huy động các nguồn vốn đầu tư xóa phòng học bán kiên cố, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học, nâng tỷ lệ phòng học cao tầng các trường phổ thông lên trên 80% đến 2020. Khuyến khích thành lập

các trường phổ thông quốc tế, trường phổ thông ngoài công lập. Cùng cố, tăng cường năng lực đội ngũ giáo viên phổ thông, bổ sung đủ giáo viên các cấp theo môn học. Phần đầu, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia bậc phổ thông đến năm 2020 đạt 50% số trường tiểu học, 80% số trường trung học cơ sở và 90% số trường trung học phổ thông. Tiếp tục phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên, các cơ sở giáo dục bổ túc văn hóa để nâng cao trình độ học vấn cho đội ngũ công nhân, lao động ở các khu công nghiệp.

Nâng cao chất lượng đào tạo của hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề, tạo điều kiện thuận lợi, ưu tiên dành quỹ đất để các trường đại học, cao đẳng và các trường nghề trên địa bàn nâng cấp cơ sở vật chất, xây dựng ký túc xá sinh viên, mở rộng các ngành nghề đào tạo và tổ chức đào tạo liên thông. Khuyến khích các cơ sở đào tạo, dạy nghề trong tỉnh liên kết với các trường có uy tín ở trong nước và nước ngoài cùng hợp tác tổ chức đào tạo, từng bước đưa tỉnh trở thành trung tâm đào tạo nhân lực có uy tín cao ở Miền Đông Nam Bộ.

- Thông tin và truyền thông

Tiếp tục đầu tư hạ tầng thông tin, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin. Đẩy nhanh xây dựng “Chính quyền điện tử” để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, phối hợp của các cơ quan nhà nước và phát triển các dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày một tốt hơn.

đ) Phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội

Lồng ghép các chương trình mục tiêu và dự án đầu tư để thực hiện các chương trình, chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo, tạo việc làm cho người trong độ tuổi lao động, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Quan tâm thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với các xã còn nhiều hộ nghèo, xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

- Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Phát triển hệ thống y tế kết hợp mạng lưới cơ sở y tế công và các cơ sở y tế ngoài công lập, đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ y tế nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân về bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, giảm tỷ lệ mắc bệnh và tử vong, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng cuộc sống, giống nòi. Phần đầu đạt 30 giường bệnh/vạn dân và 8 bác sỹ/vạn dân vào năm 2020.

Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế xã và y tế huyện, bảo đảm cho mọi người dân được tiếp cận với dịch vụ y tế cơ bản có chất lượng ngay tại tuyến y tế cơ sở. Phát triển các cơ sở y tế chuyên sâu đủ khả năng khám và

điều trị các bệnh không lây nhiễm, tai nạn, thương tích đang có xu hướng gia tăng. Đẩy mạnh phát triển y, dược học cổ truyền, tiến đến 100% các cơ sở khám, chữa bệnh công lập đều có khoa hoặc bộ phận khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền. Chú trọng phát triển ngành công nghiệp dược, nhất là sản xuất các loại thuốc sử dụng nguyên liệu từ các loại dược liệu tại địa phương.

- Văn hóa và thể dục, thể thao

Đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống công trình văn hóa ở cấp tỉnh, huyện, xã. Tăng đầu tư từ ngân sách kết hợp đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư để xây dựng thiết chế văn hóa các cấp, nhất là thiết chế văn hóa cơ sở. Phấn đấu đến năm 2020, đạt tỷ lệ 100% phường, xã có trung tâm văn hóa thể thao - học tập cộng đồng; 80% di tích cấp quốc gia và cấp tỉnh được tu bổ, tôn tạo. Quan tâm phát triển hệ thống các công trình văn hóa, thể thao phục vụ công nhân ở các khu vực tập trung khu công nghiệp. Kết hợp đồng bộ xây dựng thiết chế văn hóa với xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, đầu tư để có các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật có chất lượng đáp ứng đời sống tinh thần của nhân dân trong tỉnh.

Huy động đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống công trình thi đấu, tập luyện thể thao từ cấp tỉnh đến xã, phường. Mở rộng xã hội hóa thể dục, thể thao, tạo điều kiện mặt bằng để các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các hoạt động thể dục, thể thao ở đô thị và khu vực nông thôn. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, khuyến khích các cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường, khu công nghiệp tổ chức các phong trào thi đấu thể thao hàng năm.

- Công tác an sinh xã hội

Đa dạng hóa các loại hình dạy nghề ở các cấp huyện, xã, khuyến khích doanh nghiệp tổ chức đào tạo nghề cho người lao động, dạy nghề cho lao động nông thôn. Đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm từ khâu hướng nghiệp, dạy nghề, tư vấn giới thiệu việc làm đến hỗ trợ khởi nghiệp.

Thực hiện đồng bộ các biện pháp bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao thu nhập của nhân dân. Phối hợp các chương trình mục tiêu để thực hiện giảm nghèo bền vững. Thực hiện tốt phong trào đền ơn đáp nghĩa. Đẩy mạnh công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội, phòng chống tội phạm.

e) Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và khai thác hợp lý các tài

nguyên, khoáng sản. Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu điện tử về tài nguyên và môi trường của tỉnh. Khôi phục và bảo vệ hệ sinh thái rừng tự nhiên và thảm xanh hiện hữu. Xây dựng hệ thống thoát nước thải đạt tiêu chuẩn tại các khu công nghiệp trước khi đi vào hoạt động; từng bước xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị.

- Khuyến khích đầu tư và phát huy tham gia của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng vào các hoạt động bảo vệ môi trường. Tổ chức thực hiện kế hoạch di dời các cơ sở, sản xuất, kinh doanh dịch vụ có vị trí không phù hợp với quy hoạch đô thị, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ra khỏi các khu vực đô thị.

g) Quốc phòng - an ninh

Tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh cả về tiềm lực và thể trận, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện vững chắc, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, hoàn thiện diễn tập các phương án phòng thủ. Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về quốc phòng an ninh, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Xây dựng lực lượng công an tỉnh chính quy, tinh nhuệ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Chủ động phát hiện, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, phá hoại của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn. Tiếp tục thực hiện tốt “Đề án bảo đảm an ninh, trật tự phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế trên địa bàn tỉnh”. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhân dân, phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh có hiệu quả các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, kiểm chế tai nạn giao thông.

h) Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế- kỹ thuật

- Phát triển đồng bộ, hình thành mạng lưới giao thông liên hoàn kết hợp đường bộ, đường thủy và đường sắt phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng- an ninh trên địa bàn tỉnh. Đầu tư nâng cấp các tuyến đối ngoại, đường trục, đường tỉnh, đường liên kết cảng biển với các tuyến cao tốc, quốc lộ để phục vụ phát triển các khu công nghiệp, khu du lịch, khu dịch vụ - đô thị, cảng biển nhằm tạo đột phá phát triển kinh tế. Phát triển hệ thống đường giao thông nông thôn. Phối hợp với chủ đầu tư triển khai dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành theo qui hoạch được phê duyệt.

- Phát triển hạ tầng cung cấp điện, huy động vốn đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi, phát triển hệ thống cấp nước sạch đô thị và nông

thôn, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải ở các đô thị, khu vực tập trung khu công nghiệp, khu đô thị mới và khu tái định cư.

5. Điều chỉnh định hướng tổ chức không gian phát triển

a) Phát triển các trục kinh tế động lực

Trên cơ sở các tuyến trục giao thông được xây dựng, nâng cấp, phát triển các hành lang kinh tế, trục kinh tế động lực để thúc đẩy nhanh phát triển kinh tế- xã hội và đô thị hóa, mở rộng giao lưu thương mại, lan tỏa phát triển công nghiệp, dịch vụ về các vùng nông thôn và ra toàn tỉnh, cụ thể phát triển 3 trục kinh tế động lực: Trục kinh tế Biên Hoà - Long Thành - Nhơn Trạch (Quốc lộ 1 và đường 25B); Trục kinh tế Biên Hoà-Trảng Bom - Long Khánh - Xuân Lộc (Quốc lộ 1); Trục kinh tế Thống Nhất - Định Quán - Tân Phú - Long Khánh - Cẩm Mỹ (tuyến Quốc lộ 20 và Quốc lộ 56).

b) Phát triển đô thị và nông thôn

- Phát triển hệ thống đô thị theo hướng đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các đô thị trong tỉnh, tập trung đầu tư cho các đô thị lớn trung tâm tỉnh, trung tâm tiểu vùng gồm thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, các đô thị Nhơn Trạch, Long Thành, Trảng Bom. Trong 10 năm tới, toàn tỉnh tập trung xây dựng phát triển 11 đô thị hiện hữu, trong đó nâng cấp thành phố Biên Hòa thành đô thị loại I, nâng cấp thị trấn Long Thành và thị trấn Trảng Bom thành các đô thị loại III, thành lập thành phố Nhơn Trạch là đô thị loại II. Ngoài ra, nếu có đủ điều kiện tiếp tục thành lập và phát triển thêm 3- 4 thị trấn mới (đô thị loại V).

- Phát triển nông thôn: Lồng ghép Chương trình xây dựng nông thôn mới với các chương trình mục tiêu như Chương trình giảm nghèo, Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn kết hợp với xã hội hóa đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn để huy động vốn đầu tư cho xây dựng và phát triển nông thôn. Phân đấu, số xã cơ bản đạt xã nông thôn mới chiếm 80% vào năm 2020.

c) Phát triển các vùng kinh tế của tỉnh

- Vùng Kinh tế Tây Nam Đồng Nai: Thành phố Biên Hòa và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành. Đây là vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, tập trung phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ.

- Vùng Kinh tế Đông Nam Đồng Nai: Thị xã Long Khánh và các huyện Trảng Bom, Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ. Đây là vùng tập trung phát triển nông nghiệp kết hợp công nghiệp chế biến.

- Vùng Kinh tế Bắc Đồng Nai: Các huyện Vĩnh Cửu, Định Quán, Tân Phú. Khu vực này tập trung công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước

sông Đồng Nai và thủy điện Trị An.

6. Danh mục dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư (theo phụ lục đính kèm)

7. Điều chỉnh các giải pháp thực hiện quy hoạch

a) Vốn đầu tư

Huy động vốn đầu tư toàn xã hội trong giai đoạn 2016- 2020 khoảng 296- 330 nghìn tỷ đồng, trong đó: Nguồn vốn ngân sách nhà nước chiếm khoảng 7- 8,5%, vốn đầu tư của dân và doanh nghiệp trong, ngoài tỉnh chiếm 40- 42%, vốn đầu tư nước ngoài chiếm 45- 47%, còn lại các nguồn vốn khác chiếm 4- 4,5%.

Cơ cấu đầu tư, dự kiến huy động đầu tư vào khu vực sản xuất nông lâm thủy sản và các dịch vụ nông nghiệp (không kể thủy lợi) chiếm khoảng 3- 4% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 57 - 58% và đầu tư vào các ngành dịch vụ chiếm 39- 40% vốn đầu tư xã hội.

b) Chính sách phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 đã được phê duyệt và thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực trong tỉnh: Chính sách về việc làm, bảo hiểm, hỗ trợ xã hội, chính sách huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển nguồn nhân lực, chính sách thu hút và đãi ngộ nhân tài, chính sách phát triển thị trường lao động liên thông giữa các địa phương, tổ chức các sân giao dịch việc làm và cung cấp thông tin thị trường lao động.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực thuộc các ngành công nghiệp mũi nhọn như công nghiệp cơ khí, điện tử, tin học, viễn thông, tài chính, logistics...

- Tiếp tục rà soát ban hành chính sách ưu đãi để thu hút và sử dụng nhân tài, chuyên gia cao cấp, nhân lực trình độ chuyên môn kỹ thuật cao trong các ngành, lĩnh vực còn đang thiếu đến làm việc ở tỉnh.

- Thực hiện liên doanh, liên kết với doanh nghiệp FDI để đào tạo công nhân kỹ thuật cao, đáp ứng yêu cầu sử dụng lao động.

- Có kế hoạch phối hợp phân luồng học sinh phổ thông sau khi tốt nghiệp vào các trường nghề, đồng thời đẩy mạnh liên kết giữa các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để đảm bảo đầu ra cho học sinh cũng như đảm bảo chất lượng đào tạo theo nhu cầu thị trường sử dụng lao động.

- Chủ động hợp tác với các cơ sở đào tạo có uy tín tại thành phố Hồ Chí Minh, trao đổi về thị trường lao động với các tỉnh trong vùng, tiếp tục mở rộng quan hệ quốc tế trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, xuất khẩu lao động, khuyến khích du học, thu hút lao động chất lượng cao.

c) Chính sách phát triển khoa học và công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp, nông dân phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

- Tập trung đầu tư cho các chương trình trọng điểm nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm mới, triển khai ứng dụng các qui trình công nghệ mới tạo chuyển biến mạnh về ứng dụng tiến bộ công nghệ trong các ngành sản xuất.

- Thực hiện chương trình hỗ trợ doanh nghiệp địa phương tăng sức cạnh tranh và hội nhập, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế. Thực hiện tốt công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, xây dựng quỹ xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm cho nông dân từ nguồn đóng góp của các doanh nghiệp và một phần từ ngân sách.

- Thực hiện hiện quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển làng nghề, kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại ở nông thôn để tạo thêm việc làm mới, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Triển khai đồng bộ các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo mọi người dân có cuộc sống ổn định, có điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và được hưởng các phúc lợi xã hội.

d) Phát triển các loại thị trường để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội.

- Phát triển thị trường hàng hóa, kết hợp các biện pháp, chính sách khuyến khích cung - cầu đi đôi với xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại để tăng cường lưu thông các loại hàng hóa thiết yếu phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt ở các địa bàn dân cư trong tỉnh. Tăng cường công tác thanh tra, giám sát giá cả hàng hóa trên địa bàn, theo dõi sát diễn biến của thị trường và biến động giá, quản lý chặt chẽ, chống đầu cơ tăng giá.

- Khuyến khích lưu thông thị trường lao động giữa khu vực nông thôn và đô thị, giữa trong và ngoài tỉnh. Tiếp tục huy động vốn đầu tư để xây dựng các khu chung cư cho người lao động, phát triển quỹ nhà ở xã hội, tạo điều kiện về nhà ở và các dịch vụ xã hội phục vụ công nhân, người lao động ở trong và ngoài tỉnh làm việc trên địa bàn.

đ) Nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, từng bước xây dựng chính quyền điện tử

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, đảm bảo hoạt động quản lý nhà nước được thực hiện thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, góp phần giữ vững sự ổn định chính trị và thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế về các cơ chế, chính sách của địa phương, bảo đảm các quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân, phù hợp với Hiến pháp năm 2013, các luật, pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

- Tăng cường cải cách hành chính nhằm tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với tổ chức, doanh nghiệp và công dân. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước, từng bước triển khai xây dựng chính quyền điện tử nhằm xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại.

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước đến với người dân và doanh nghiệp; tăng cường các giải pháp nhằm hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác xử lý vi phạm hành chính; tăng cường công tác tổ chức thi hành dân sự, đảm bảo kịp thời, hiệu quả, giải quyết dứt điểm các vụ việc thi hành án tồn đọng kéo dài, phức tạp trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, đảm bảo hoạt động có hiệu quả, tăng cường củng cố, kiện toàn tổ chức pháp chế ở các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đẩy mạnh việc phân cấp trong hệ thống hành chính, đồng thời tăng cường hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động thực thi công vụ. Tăng cường công tác pháp chế ở địa phương, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa công tác xây dựng pháp luật với thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật. Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có tính chuyên nghiệp cao, có trình độ chuyên môn, ý thức trách nhiệm và phẩm chất đạo đức công vụ.

- Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Chủ động, tích cực phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời những biểu hiện tiêu cực, hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia vào công tác tư pháp; thực hiện tốt cơ chế giám sát của cơ quan dân cử của nhân dân bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ trong hoạt động tổ tụng.

e) Phối hợp, hợp tác với các Bộ, ngành và địa phương trong và ngoài vùng

- Xây dựng và thực hiện các cơ chế phối hợp, liên kết, hợp tác giữa tỉnh Đồng Nai với các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương theo hướng xác định rõ lĩnh vực hợp tác phát triển, mở rộng thị trường, liên kết sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp.

- Tỉnh Đồng Nai chủ động phối hợp với các Bộ, ngành trong việc lập quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình do Bộ ngành quản lý trên địa bàn tỉnh.

- Tỉnh Đồng Nai chủ động liên kết với các địa phương trong vùng, nhất là vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng Đông Nam bộ trong việc xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; phối hợp xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư để tránh việc cạnh tranh không cần thiết và không lành mạnh giữa các địa phương với nhau.

8. Tổ chức giám sát và thực hiện quy hoạch

a) Tổ chức công bố, phổ biến quy hoạch:

Tổ chức công bố, phổ biến Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 cho các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh trên cơ sở các nội dung, mục tiêu của Quy hoạch, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện đạt mục tiêu Quy hoạch.

b) Xây dựng chương trình hành động:

- Sau khi Điều chỉnh Quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tỉnh cần xây dựng chương trình hành động cụ thể để triển khai thực hiện.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của điều chỉnh quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện có hiệu quả. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị theo thẩm quyền việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ.

- Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan), các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong Điều chỉnh Quy hoạch được phê duyệt; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực để đảm bảo phát triển tổng thể, đồng bộ giữa kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh.

2. Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trọng điểm; các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, ưu tiên bố trí nguồn vốn một cách hợp lý.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (nếu vấn đề vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

Điều 4. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai trong quá trình thực hiện Quy hoạch; phối hợp với tỉnh Đồng Nai nghiên cứu xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích, thu hút đầu tư theo mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nêu trong Quy hoạch.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai trong việc điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch ngành, lĩnh vực đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; xem xét, hỗ trợ tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch.

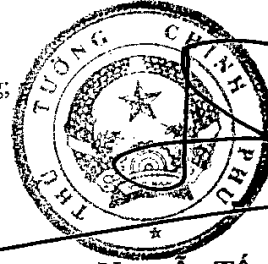
Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 73/2008/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (3b). XH **140**

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



Danh mục

CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số ...7.34.../QĐ-TTg
ngày 24 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Dự kiến lộ trình thực hiện	
		2016 - 2020	Sau 2020
A	HẠ TẦNG KINH TẾ		
I	Hạ tầng giao thông		
1	Sân bay quốc tế Long Thành	x	x
2	Các tuyến cao tốc qua địa bàn	x	x
3	Đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu	x	x
4	Khu bến cảng trên sông Đồng Nai, Nhà Bè, Lòng Tàu, Thị Vải	x	
5	Dự án xây dựng Quốc lộ 1A, đoạn tránh thành phố Biên Hòa	x	
6	Cầu Hóa An	x	
7	Nâng cấp mở rộng đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài đoạn từ nút giao Tam Hiệp đến ngã ba Quốc lộ 51)	x	
8	Cầu Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa	x	
9	Đường trục trung tâm ngã 3 Vườn Mít - Sông Cái	x	x
10	Nút giao thông Vườn Mít	x	x
11	Đường Ven Sông Cái từ Quốc lộ 1 - Trần Quốc Toản	x	
12	Xây dựng cầu An Hào	x	
13	Đường Ruộng Tre - Thọ An	x	
14	Đường liên cảng huyện Nhơn Trạch	x	
15	Cầu đường từ Quận 9, Tp Hồ Chí Minh qua huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai	x	
16	Đường song hành Quốc lộ 56 đoạn qua xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ	x	
17	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường tỉnh	x	x

TT	Danh mục	Dự kiến lộ trình thực hiện	
		2016 - 2020	Sau 2020
18	Xây dựng, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường liên huyện	x	x
19	Chống ùn tắc giao thông đoạn qua Phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa	x	x
II	Hạ tầng công nghiệp		
1	Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo quy hoạch	x	
2	Khu công nghiệp công nghệ cao	x	
3	Khu liên hợp công nông nghiệp Dofico	x	
4	Trung tâm công nghệ sinh học (định hướng là Khu công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học)	x	
III	Các dự án hạ tầng nông nghiệp		
1	Các dự án thủy lợi, hồ đập, trạm bơm, hệ thống tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn các huyện, thị xã Long Khánh	x	x
2	Nạo vét hệ thống kênh mương, suối	x	x
3	Dự án quy hoạch xây dựng và phát triển rừng phòng hộ môi trường cảnh quan Lâm trường Biên Hòa tỉnh Đồng Nai	x	
4	Dự án đầu tư trồng và khôi phục rừng cây gỗ lớn bản địa vùng Chiến khu Đ tỉnh Đồng Nai	x	
5	Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ của Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành	x	
6	Dự án Bảo tồn voi hoang dã tỉnh Đồng Nai	x	
IV	Dự án cấp nước		
1	Hệ thống cấp nước tập trung tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh	x	x
2	Dự án cấp nước Nhơn Trạch, giai đoạn 2 công suất 100.000 m3/ ngày vốn ODA	x	
3	Dự án cấp nước Nhơn Trạch, giai đoạn 1 công suất 100.000 m3/ ngày vốn ODA (đã có vốn ODA và vốn đối ứng)	x	
4	Dự án cấp nước Thiện Tân, giai đoạn 2 công suất 100.000 m3/ ngày vốn ODA	x	

TT	Danh mục	Dự kiến lộ trình thực hiện	
		2016 - 2020	Sau 2020
5	Cải tạo tuyến ống cấp nước từ đường Cách mạng tháng 8 đến mố A cầu Gành xã Hiệp Hoà	x	
6	Dự án Nhà máy nước Hóa An	x	
7	Dự án cấp nước Hồ Cầu Mới	x	
8	Hệ thống cấp nước huyện Nhơn Trạch	x	
V	Thoát nước và xử lý nước thải		
1	Dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa giai đoạn 1	x	x
2	Dự án trạm xử lý nước thải giai đoạn 1 công suất 16.000m ³ /ngày huyện Nhơn Trạch	x	
3	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào các khu công nghiệp	x	
4	Hệ thống thoát nước tập trung thị trấn Gia Ray, thị trấn Long Giao, Thị trấn Trảng Bom, Thị trấn Long Thành, Dầu Giây Thị trấn Tân Phú, Thị trấn Vĩnh An, Thị xã Long Khánh giai đoạn 1	x	x
5	Xử lý thoát nước cục bộ tại các huyện, thị xã Long Khánh, TP Biên Hòa	x	
B	CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		
I	Các dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân tại các huyện, thị xã Long Khánh, Tp Biên Hòa	x	
II	Các dự án hạ tầng y tế		
1	Bệnh viện đa khoa Quốc tế	x	
2	Bệnh viện ngành ung thư	x	
3	Cụm dịch vụ y tế quốc tế Việt Úc	x	
4	Các bệnh viện khác theo quy hoạch	x	
5	Đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa Biên Hòa	x	
6	Dự án Hệ thống xử lý chất thải y tế tại các Trung tâm Y tế và Trạm Y tế	x	
7	Dự án Công nghệ thông tin quản lý ngành y tế giai đoạn II	x	

TT	Danh mục	Dự kiến lộ trình thực hiện	
		2016 - 2020	Sau 2020
8	Đầu tư xây dựng 11 Trung tâm an toàn vệ sinh thực phẩm	x	
9	Đầu tư xây dựng Trung tâm kiểm dịch y tế quốc tế	x	
10	Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa huyện Nhơn Trạch	x	
11	Đầu tư xây dựng Trung tâm Vận chuyển cấp cứu	x	
12	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Phụ sản	x	
13	Đầu tư xây dựng Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe	x	
14	Đầu tư xây dựng Bệnh viện thực hành trường Cao đẳng y tế	x	
15	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Phục hồi chức năng	x	
16	Đầu tư nâng cấp mở rộng các bệnh viện, trung tâm y tế	x	
17	Đầu tư xây dựng, nâng cấp các trạm y tế xã phường, phòng khám đa khoa	x	
III	Các dự án giáo dục và đào tạo, dạy nghề		
1	Cụm trường Đại học, Cao đẳng thuộc làng Đại học Nhơn Trạch	x	x
2	Xây dựng trường ĐH công nghiệp (giai đoạn 2)	x	
3	Trường Cao đẳng nghề Lê Quý Đôn	x	
4	Trường Trung cấp Phương Nam và Trường Đại học tư thục Phương Nam	x	
5	Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Miền Đông	x	
6	Mở rộng Trường ĐH Lạc Hồng	x	
7	Mở rộng Trường ĐH Công nghệ Đồng Nai	x	
8	Các trường mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông tại địa bàn các huyện, thị xã Long Khánh, Thành phố Biên Hòa	x	x
IV	Lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội		
1	Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi và khuyết tật	x	
2	Trung tâm bảo trợ người già tập trung	x	x

TT	Danh mục	Dự kiến lộ trình thực hiện	
		2016 - 2020	Sau 2020
3	Nghĩa trang cán bộ (giai đoạn 2)	x	
4	Đầu tư nâng cấp Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh	x	
5	Xây dựng Văn phòng Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	x	
6	Trung tâm Giới thiệu việc làm Khu vực Miền Nam	x	
7	Trung tâm tư vấn dịch vụ truyền thông trẻ em	x	
V	Hạ tầng văn hóa		
1	Trung tâm văn hóa, thông tin và triển lãm	x	x
2	Nhà hát Lớn	x	x
3	Trung tâm Chiếu phim	x	x
4	Sửa chữa nhà làm việc đoàn ca múa kịch	x	
5	Nhà diễn tập và biểu diễn Đoàn nghệ thuật cải lương	x	
6	Cung cấp tài liệu số trực tuyến và xây dựng kho tư liệu số Thư viện Tỉnh	x	
7	Tu bổ, tôn tạo các di tích trên địa bàn tỉnh	x	
C	CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ		
1	Dự án cải tạo cảnh quan và phát triển đô thị ven sông Đồng Nai	x	
2	Điểm du lịch và nhà ở sau khi ngưng khai thác mỏ Hóa An	x	
3	Dự án cải tạo môi trường cảnh quan: Khu vực các mỏ đất. Sau khi ngưng hoạt động tại xã Hóa An và xã Tân Hạnh Biên Hòa	x	
4	Khu đô thị -dịch vụ cao cấp Tam Phước	x	x
5	Khu đô thị mới từ việc hoán đổi khu vực trường bắn của Trường Sĩ quan Lục Quân 2	x	
6	Khu đô thị du lịch sinh thái Long Thành	x	x
7	Khu đô thị - dịch vụ tại xã An Phước, Tam Phước phục vụ khu công nghiệp công nghệ cao của Công ty AMATA Thái Lan và công ty cổ phần AMATA	x	x
8	Khu đại học, công viên phần mềm, dịch vụ và đô thị phục vụ	x	x

TT	Danh mục	Dự kiến lộ trình thực hiện	
		2016 - 2020	Sau 2020
	(Khu đô thị công nghệ FPT)		
9	Khu đô thị - dịch vụ	x	x
10	Xây dựng các Khu dân cư, khu đô thị mới theo quy hoạch	x	x
11	Khu trung tâm thương mại dịch vụ và dân cư	x	x
12	Làng văn hóa	x	x
13	Trung tâm hội chợ triển lãm và hội nghị quốc tế	x	x
14	Khu trung tâm dịch vụ, các khu du lịch sinh thái, điểm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, khu đô thị du lịch theo quy hoạch...	x	x
15	Khu dịch vụ hậu cần logistics	x	
16	Tổng kho trung chuyển miền đông	x	x
D	CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, NGHĨA TRANG		
1	Đề án khắc phục ô nhiễm môi trường và chuyển đổi công năng khu công nghiệp Biên Hòa I	x	x
2	Khu xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp và chất thải nguy hại theo quy hoạch	x	
3	Nhà máy xử lý chất thải rắn công nghiệp và nguy hại	x	
4	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt	x	
5	Khu xử lý chất thải Quang Trung	x	
6	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt và sản xuất phân hữu cơ tại Định Quán	x	
7	Nghĩa trang Cẩm Mỹ Tịnh Độ Viên	x	
8	Cải tạo chỉnh trang nghĩa trang thị trấn Định Quán	x	
9	Nghĩa trang tại các huyện	x	
10	Dự án bảo vệ môi trường lưu vực sông Đồng Nai thuộc địa bàn tỉnh	x	
11	Dự án ứng phó sự cố môi trường về tràn dầu	x	
12	Dự án nâng cao năng lực quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh	x	

TT	Danh mục	Dự kiến lộ trình thực hiện	
		2016 - 2020	Sau 2020
13	Dự án nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ môi trường	x	
14	Triển khai dự án tổng thể về ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020	x	
15	Triển khai dự án tổng thể về bảo tồn đa dạng và an toàn sinh học giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020	x	
16	Dự án đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc tự động tại các khu công nghiệp đã lắp đầy trên 50% diện tích	x	
17	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tại các bệnh viện	x	
18	Dự án xây dựng Khu chứng tích chiến tranh hóa học ở Việt Nam tại Đồng Nai	x	

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, thời gian thực hiện của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.